BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2011/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2011*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây được viết tắt là Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung) như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phạm vi và đối tượng áp dụng của Thông tư này là phạm vi và đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, chủ đầu tư và nhà thầu nước ngoài. Đối tượng áp dụng theo quy định tại các điểm a và l khoản 2 Điều 1 Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Công ty nhà nước hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 hiện nay tiếp tục hoạt động theo quy định tại Điều 166 của Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh đã thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999 hiện nay tiếp tục hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm:

- Doanh nghiệp liên doanh;

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;

- Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP ngày 15/4/2003 của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần;

- Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp Giấy phép đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Hội, hiệp hội doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, bao gồm:

a) Hội doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

b) Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 8/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Chương II
TUYỂN DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM

Điều 2. Tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức hợp đồng lao động

1. Phiếu đăng ký dự tuyển lao động của người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thực hiện theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã

được sửa đổi, bổ sung là văn bản chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài, bao gồm: bằng hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học phù hợp với vị trí công việc mà người nước ngoài dự kiến sẽ đảm nhận.

Đối với một số nghề, công việc thì việc chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

3. Người sử dụng lao động thông báo nhu cầu tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

a) Trước khi tuyển người nước ngoài ít nhất 30 (ba mươi) ngày, người sử dụng lao động phải thông báo nhu cầu tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài trên ít nhất 01 (một) số báo Trung ương và ít nhất 01 (một) số báo địa phương bằng một trong các hình thức là báo viết, báo nói, báo hình hoặc báo điện tử về các nội dung: số lượng người cần tuyển, vị trí công việc, trình độ chuyên môn, mức lương và các khoản thu nhập khác, điều kiện làm việc và một số nội dung khác nếu người sử dụng lao động yêu cầu.

Trường hợp người sử dụng lao động đã thông báo ít nhất 02 (hai) số báo Trung ương và 02 (hai) số báo địa phương về việc tuyển lao động Việt Nam theo quy định mà không tuyển được thì trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ lần thông báo cuối cùng, người sử dụng lao động được tuyển người nước ngoài và không phải thông báo nhu cầu tuyển lao động trên báo Trung ương và báo địa phương;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài được tuyển dụng theo hình thức hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và đối với người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thì phải kèm theo văn bản để chứng minh việc người sử dụng lao động đã thông báo nhu cầu tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung mà bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt Nam, công chứng hoặc chứng thực. Việc hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ của nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động và người nước ngoài phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động. Trong thời hạn 05 (năm) ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động người sử dụng lao động có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng lao động đã giao kết và bản chụp giấy phép lao động đã được cấp tới cơ quan đã cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đó. Nội dung trong hợp đồng lao động không được trái với nội dung ghi trong giấy phép lao động đã được cấp.

Điều 3. Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài đã trúng thầu tại Việt Nam

1. Phương án sử dụng lao động trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, thực hiện theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại khoản 3 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trước khi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu thì nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu về việc tuyển lao động Việt Nam có xác nhận của chủ đầu tư về phương án sử dụng lao động đã được kê khai trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thực hiện theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã xác định trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thì phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương, nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu về phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng lao động và có xác nhận của chủ đầu tư theo mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam theo đề nghị của nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhận được văn bản đề nghị tuyển từ 500 (năm trăm) lao động Việt Nam trở lên và 30 (ba mươi) ngày đối với đề nghị tuyển dưới 500 (năm trăm) lao động Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng lao động Việt Nam được cho nhà thầu nước ngoài theo đề nghị nêu trên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được tuyển người nước ngoài vào các vị trí công

việc không tuyển được lao động Việt Nam bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, thời hạn thực hiện công việc.

4. Đối với các nhà thầu nước ngoài đang thực hiện các dự án hoặc gói thầu đã trúng thầu trước thời điểm Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ có hiệu lực (01/8/2011) thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, nhà thầu nước ngoài phải báo cáo thực trạng về lao động Việt Nam và người nước ngoài đang làm việc tại các gói thầu hoặc dự án trúng thầu bao gồm: số lượng, quốc tịch, trình độ, vị trí công việc, số người đã được cấp giấy phép lao động, số người không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động và số người chưa thực hiện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do và biện pháp khắc phục; báo cáo kế hoạch sử dụng người nước ngoài và lao động Việt Nam đến khi kết thúc dự án hoặc gói thầu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu, trong đó nêu rõ nhu cầu đề nghị tuyển lao động Việt Nam để thay thế người nước ngoài đang làm việc và vị trí dự kiến tuyển người nước ngoài. Trường hợp không giới thiệu hoặc cung ứng lao động Việt Nam được cho nhà thầu nước ngoài thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được sử dụng người nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được lao động Việt Nam.

Điều 4. Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc để chào bán dịch vụ

Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc để chào bán dịch vụ theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trước ít nhất 07 (bảy) ngày tính theo ngày làm việc khi người nước ngoài đến chào bán dịch vụ phải thông báo bằng văn bản thông qua các hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, fax với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi người nước ngoài dự kiến đến chào bán dịch vụ với nội dung: họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc, công việc cụ thể của người nước ngoài theo mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam không phải có giấy phép lao động

1. Thời hạn dưới 03 (ba) tháng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Thời hạn dưới 03 (ba) tháng được xác định là thời gian liên tục kể từ ngày người nước ngoài bắt đầu nhập cảnh vào Việt Nam để làm việc cho người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài đến ngày đó của tháng thứ ba trừ đi một ngày.

Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc với thời hạn dưới 03 (ba) tháng phải thực hiện theo đúng quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Người nước ngoài làm Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng dự án hoặc người nước ngoài được tổ chức phi chính phủ nước ngoài ủy nhiệm đại diện cho các hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung là người nước ngoài được xác định trong Giấy phép lập Văn phòng đại diện, Giấy phép lập Văn phòng dự án, Giấy phép hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài được phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Người nước ngoài theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thì không phải cấp giấy phép lao động khi làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức đó. Trường hợp những người nước ngoài nêu trên làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức khác tại Việt Nam từ đủ ba tháng trở lên thì phải thực hiện cấp giấy phép lao động.

Điều 6. Mẫu giấy phép lao động

1. Mẫu giấy phép lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

a) Thể thức của giấy phép lao động:

Giấy phép lao động có kích thước khổ A4 (21 cm x 29,7 cm), gồm 4 trang; trang 1 và trang 4 có mầu xanh hòa bình, tráng nhựa; trang 2 và trang 3 có nền mầu trắng, hoa văn mầu xanh nhạt, ở giữa có hình ngôi sao;

b) Nội dung của giấy phép lao động, theo mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép lao động do Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức in ấn và phát hành thống nhất.

Điều 7. Cấp giấy phép lao động

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thực hiện theo mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phiếu lý lịch tư pháp và giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động.

3. Nơi người nước ngoài thường xuyên làm việc theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung được xác định là nơi người nước ngoài có toàn bộ thời gian làm việc cho người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động nhưng hết hiệu lực hoặc vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung có nhu cầu làm việc cho doanh nghiệp khác cùng vị trí công việc đã ghi trong giấy phép lao động, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu thì phải có giấy tờ theo quy định tại các điểm c và đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và giấy phép lao động đã được cấp hoặc bản sao giấy phép lao động đã được cấp.

Điều 8. Gia hạn giấy phép lao động

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hợp đồng học nghề được ký giữa doanh nghiệp với lao động Việt Nam để đào tạo lao động Việt Nam thay thế công việc mà người nước ngoài đang đảm nhiệm hoặc văn bản để chứng minh đã thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 132 của Bộ luật Lao động để thay thế cho công việc mà người nước ngoài đang đảm nhiệm. Nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo gồm: số lượng người cần đào tạo vào từng vị trí công việc, thời gian và hình thức đào tạo, nơi đào tạo và việc tổ chức thực hiện đào tạo, kết quả đào tạo;

c) Bản sao hợp đồng lao động;

d) Giấy phép lao động đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động đối với người nước ngoài di chuyển nội bộ doanh nghiệp, bao gồm:

a) Đề nghị gia hạn giấy phép lao động của đại diện doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam theo mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản để chứng minh người nước ngoài di chuyển nội bộ doanh nghiệp tiếp tục làm việc tại Việt Nam;

c) Giấy phép lao động đã được cấp.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động đối với người nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, bao gồm:

a) Đề nghị gia hạn giấy phép lao động của đối tác phía Việt Nam theo mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hợp đồng ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài;

c) Giấy phép lao động đã được cấp.

Điều 9. Cấp lại giấy phép lao động

Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động của người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, thực hiện theo mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Sử dụng giấy phép lao động

1. Sử dụng giấy phép lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Người nước ngoài có trách nhiệm giữ giấy phép lao động đã được cấp khi giấy phép đang còn hiệu lực. Chậm nhất sau 02 (hai) ngày khi giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu thì người nước ngoài phải nộp giấy phép lao động đó cho người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Thông báo bằng văn bản về người nước ngoài đến làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Khi người nước ngoài đến làm việc tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (không phải tỉnh, thành phố mà người nước ngoài thường xuyên làm việc) từ 10 (mười) ngày liên tục trở lên hoặc 30 (ba mươi) ngày cộng dồn trong 01 (một) năm thì người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải thông báo bằng văn bản về người nước ngoài đến làm việc, với nội dung: họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, số giấy phép lao động đã được cấp, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc, công việc đảm nhận và nơi làm việc của người nước ngoài theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo bản chụp giấy phép lao động đã được cấp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người nước ngoài đến làm việc.

Điều 11. Người nước ngoài là phu nhân, phu quân của thành viên cơ quan ngoại giao, lãnh sự nước ngoài, đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ; học sinh, sinh viên đến thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam

1. Đối với người nước ngoài là phu nhân, phu quân của những người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp thỏa thuận giữa Việt Nam và nước liên quan không quy định miễn cấp giấy phép lao động cho đối tượng là phu quân, phu nhân của thành viên cơ quan ngoại giao, lãnh sự, đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ tham gia làm việc tại Việt Nam thì hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động của người này bao gồm các giấy tờ quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và kèm theo bản chụp văn bản của Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước) trả lời cơ quan ngoại giao, lãnh sự nước ngoài, đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ về việc người nước ngoài được phép

làm việc tại Việt Nam theo thỏa thuận quốc tế liên quan, đồng thời xuất trình bản gốc để đối chiếu;

b) Thời hạn của giấy phép lao động được cấp không vượt quá thời hạn lưu trú của phu nhân, phu quân và tối đa không quá 36 (ba mươi sáu) tháng;

c) Trình tự cấp giấy phép lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung;

d) Trường hợp người nước ngoài được cấp giấy phép lao động không còn thuộc đối tượng được phép làm việc theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước liên quan, Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước) có văn bản thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã cấp giấy phép lao động đó để thu hồi giấy phép lao động của người này.

2. Đối với người nước ngoài là học sinh, sinh viên học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài đến Việt Nam thực tập theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện như sau:

Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức ở Việt Nam có người nước ngoài là học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài đến thực tập thì trước 7 (bảy) ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày học sinh, sinh viên đến thực tập thì doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo danh sách trích ngang theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra, thanh tra; xử lý vi phạm các quy định về việc tuyển và quản lý người nước ngoài làm việc trên địa bàn.

2. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

3. Xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được tuyển người nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tổ chức tuyên truyền và phổ biến các quy định của pháp luật lao động Việt Nam cho các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu và người lao động trên địa bàn.

2. Tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật. Khi nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động, hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động phải vào sổ theo dõi và có giấy biên nhận trao cho người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Trong giấy biên nhận phải ghi rõ ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, những văn bản có trong hồ sơ và thời hạn trả lời. Lưu hồ sơ cấp giấy phép lao động, hồ sơ gia hạn giấy phép lao động, hồ sơ cấp lại giấy phép lao động.

3. Tổ chức thực hiện việc giới thiệu, cung ứng lao động cho các nhà thầu nước ngoài theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, dự án, gói thầu do nhà thầu nước ngoài trúng thầu trên địa bàn; các trường hợp giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu.

5. Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi danh sách người nước ngoài đã được cấp, gia hạn và cấp lại giấy phép lao động cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ở địa phương theo mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam và tổ chức phi chính phủ nước ngoài

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật lao động Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

2. Việc tuyển người nước ngoài thông qua tổ chức giới thiệu việc làm được thực hiện với Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương theo hợp đồng tuyển lao động mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Làm các thủ tục đề nghị cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

4. Thực hiện đầy đủ hợp đồng lao động đã giao kết với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật; gửi bản sao hợp đồng lao động đã giao kết tới cơ quan đã cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đó.

5. Quản lý hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động của người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, đồng thời phải thường xuyên bổ sung các giấy tờ liên quan đến người nước ngoài trong quá trình làm việc tại Việt Nam.

6. Quản lý người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức.

7. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày đối với các trường hợp giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thì người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải gửi báo cáo

bằng văn bản đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã cấp giấy phép lao động về các trường hợp giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu và gửi kèm theo giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu, trường hợp không gửi kèm theo giấy phép lao động phải nêu rõ lý do.

8. Báo cáo danh sách trích ngang đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam không phải cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi kèm theo các giấy tờ của người nước ngoài theo quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đóng trụ sở chính hoặc nơi người nước ngoài thường xuyên làm việc.

9. Nộp lệ phí cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

10. Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12, người sử dụng lao động phải đăng ký nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài của năm sau theo quy định tại khoản 7 Điều 19 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung về số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mức lương, thời gian làm việc (bắt đầu và kết thúc) theo từng vị trí công việc với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại theo mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thay đổi nhu cầu sử dụng người nước ngoài thì người sử dụng lao động phải đăng ký bổ sung nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày người sử dụng lao động thông báo nhu cầu tuyển người nước ngoài với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương theo mẫu số 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của người nước ngoài

1. Nghiên cứu đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam do người sử dụng lao động hoặc đối tác phía Việt Nam, đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài cung cấp, đồng thời phải chuẩn bị các giấy tờ cần thiết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động, chuẩn bị các giấy tờ cần thiết trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động và hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo quy định. Sau khi được cấp giấy phép lao động, người nước ngoài và người sử dụng lao động phải tiến hành giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam.

Điều 16. Báo cáo định kỳ

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 05 của tháng đầu tiên hàng quý về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc cho các nhà thầu nước ngoài của quý liền trước đó theo quy định tại khoản 6 Điều 6a của Nghị định số

34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) về đăng ký nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài của người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn theo mẫu số 17 ban hành kèm theo Thông tư này. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu tháng, trước ngày 15 tháng 7 và hàng năm, trước ngày 15 tháng 01 về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) về tình hình người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức và người nước ngoài làm việc cho các nhà thầu nước ngoài trên địa bàn quản lý theo mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam và tổ chức phi chính phủ nước ngoài có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu tháng, trước ngày 05 tháng 7 và hàng năm, trước ngày 05 tháng 01 về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi doanh nghiệp, tổ chức đóng trụ sở chính hoặc thường xuyên hoạt động về tình hình sử dụng người nước ngoài theo mẫu số 19 ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động về tình hình sử dụng người nước ngoài.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2011.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn, bổ sung kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hòa

MẪU SỐ 1: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày.....tháng.....năm.....
.....date.....month.....year.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG
APPLICATION FORM

Kính gửi: (To) . . . .

1. Tên tôi là (*viết chữ in hoa*): . . . . . .
Full name (In capital)
2. Ngày tháng năm sinh: . . . . . Nam/Nữ. . . . . .
Date of birth (DD-MM-YYYY) *Male/female*
3. Quốc tịch:. . . . .
Nationality
4. Số hộ chiếu . . . . . Ngày cấp . . . .
Passport number: *Date of issue*
5. Nơi cấp . . . . . *có giá trị đến ngày* . . . .
Place of issue *Date of expiry*
6. Trình độ học vấn:. . . . . .
Education level:
7. Trình độ chuyên môn tay nghề: . . . . . .
Professional qualification:
8. Trình độ ngoại ngữ (sử dụng thành thạo): . . . .
Foreign language (Proficiency)
9. Quá trình làm việc của bản thân (nêu cụ thể thời gian, vị trí công việc, tên doanh nghiệp, tổ chức đã làm việc, khen thưởng, kỷ luật), cụ thể:
Employment Record (the detailed time, employment position, name of enterprises, organizations worked, rewarda and discipline), including:
- Làm việc ở nước ngoài: . . . . . .
Employment outside Vietnam
- Làm việc ở Việt Nam: . . . . . .
Employment in Vietnam

Sau khi nghiên cứu nội dung thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động, tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để đăng ký dự tuyển vào vị trí: .. . . . . với thời hạn làm việc:. . . . . .
Upon careful consideration on your notice of recruitment, I myself consider to be qualified for the position of . . . . . for the working period of . . . .

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh Pháp luật lao động Việt Nam. Nếu vi phạm tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
I commit to fully abide by the Vietnamese labour legislation and will bear all responsibility for any violation.

Người đăng ký dự tuyển lao động
Applicant
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

MẪU SỐ 2: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ
(TÊN DỰ ÁN/GÓI THẦU)

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu)
....., ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	**Vị trí công việc**	**Số lượng (người)**	**Trình độ chuyên môn**				**Mức lương trung bình**	**Thời gian làm việc**	
			Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>=5 năm)	Khác		Bắt đầu	Kết thúc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Người nước ngoài								
1	.....								
2	.....								
....	.....								
	Tổng số		x	x	x	x			
II	Lao động Việt Nam								
1	.....								
2	.....								
....									
	Tổng số		**x**	**x**	**x**	**x**			

Ngày…. tháng…. năm…..
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ **(TÊN DỰ ÁN/GÓI THẦU)** Số: / V/v: tuyển lao động Việt Nam	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Căn cứ hợp đồng đã ký giữa ..... và nhà thầu..... để thực hiện gói thầu..... thuộc dự án..... thực hiện tại ..... với giá ký hợp đồng là ....., Nhà thầu nước ngoài ..... báo cáo một số thông tin về nhà thầu và đề nghị tuyển lao động Việt Nam để thực hiện gói thầu....., cụ thể như sau:

1. Tên hợp đồng:.....

2. Tên nhà thầu trúng thầu: .....

3. Địa chỉ đăng ký tại nước hoặc vùng lãnh thổ nơi nhà thầu mang quốc tịch:

.....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: ..... Website (nếu có): .....

4. Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc văn phòng điều hành tại Việt Nam (nếu có):.....

Số điện thoại: ..... Fax:.....

5. Giấy phép thầu số: ..... do Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng cấp ngày.....

6. Thời gian thực hiện gói thầu: từ ngày ..... tháng ..... năm.....đến ngày ..... tháng..... năm.....

Đề nghị tuyển lao động Việt Nam để thực hiện hợp đồng nêu trên, bao gồm: *từng vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mức lương, địa điểm làm việc, thời gian thực hiện công việc.*

Nhu cầu tuyển lao động nêu trên đã được xác định trong phương án sử dụng lao động trong hồ sơ trúng thầu kèm theo văn bản này.

Đề nghị quý Ủy ban chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan để giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam cho chúng tôi theo nội dung nêu trên.

Xin cảm ơn!

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu đơn vị.	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI** (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu) **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** *(Xác nhận việc tuyển lao động Việt Nam để thực hiện hợp đồng nêu trên của nhà thầu..... là đúng theo phương án sử dụng lao động đã được kê khai trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất số.....ngày....tháng.....năm).* (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 4: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ
(TÊN DỰ ÁN/GÓI THẦU)
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NHU CẦU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội……..

Căn cứ hợp đồng đã ký giữa ..... và nhà thầu..... để thực hiện gói thầu.....thuộc dự án.....thực hiện tại .....với giá ký hợp đồng là ....., nhà thầu nước ngoài.....báo cáo phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng lao động làm việc tại nhà thầu....., cụ thể như sau:

Số TT	Vị trí công việc	Số lượng (người)	Trình độ chuyên môn				Mức lương trung bình	Thời gian làm việc	
			Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>=5 năm)	Khác		Bắt đầu	Kết thúc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Người nước ngoài								
1	Vị trí lao động tăng								
....	....								
2	Vị trí lao động giảm								
	Tổng = (1) - (2)	x	x	x	x	x			
II	Lao động Việt Nam								
1	Vị trí lao động tăng								
....	....								
2	Vị trí lao động giảm								
....	**....**								
	Tổng = (1) - (2)	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**			

Ngày…. tháng…. năm….
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng lao động nêu trên của nhà thầu là thực hiện theo đúng theo quy định của pháp luật)
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 5: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence – Freedom - Happiness

....., ngày.....tháng.....năm.....
....., date.....month.....year.....

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội……..

To: Department of Labour, War Invalids and Social Affairs.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, tôi xin thông báo về việc đến chào bán dịch vụ tại..... *(nêu địa điểm cụ thể)* với một số nội dung như sau:

In implementation of Circular No 31/2011/TT-BLĐTBXH of Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs dated November 3rd 2011 providing guidelines for the implementation of Decree No 34/2008/ND-CP of the Government dated March 25th 2008 amended and supplemented some articles on recruitment and management of foreigners working in Vietnam, I would like to inform the service sales in..... (detail places) as follows:

Tên tôi là: ……
Full name
Ngày tháng năm sinh: ……..…… Nam/Nữ ……
Date of birth (DD-MM-YYYY) Male/female
Quốc tịch:. ……..……
Nationality
Số hộ chiếu …… ……Ngày cấp ……
Passport number: *Date of issue*
Nơi cấp …… *có giá trị đến ngày* …… ……..
Place of issue *Date of expiry*
Thời gian làm việc từ ngày:……/……/……đến ngày: ……/……/……
Period of work from …… *To*……
Lý do làm việc tại Việt Nam: …… ……..……
The reasons for working in Viet Nam ……..……..……..……..

Kính thư
Best Regards,
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

MẪU SỐ 6: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1- Xuất trình giấy phép này khi cơ quan nhà nước yêu cầu.

2- Không được tẩy xóa, sửa chữa, tự ghi vào giấy phép này.

3- Không được cho người khác mượn.

4- Khi thất lạc phải báo ngay cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5- Giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc vô hiệu phải nộp giấy phép lao động theo quy định

NOTICE

1- Present this work permit to authorities when requested.

2- Any modification, addition or amendment to the work permit is prohibited.

3- The utilization of this permit is restricted to the bearer.

4- Any case of loss should be immediately reported to provincial Department of Labour, Invalids and Social Affairs.

5- After work permit validity expires or becomes invalid shall submit that work permit acccording to regulations.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

QUỐC HUY

GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
WORK PERMIT

SỐ:
No:

Ảnh màu
3cm x 4cm
Colour photo

GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
WORK PERMIT

Số:
No:

1. Họ và tên: . . . . . .
   Full name
2. Nam (M) Nữ (F)
3. Ngày, tháng, năm sinh: . . . . . .
   Date of birth (DD-MM-YY)
4. Quốc tịch hiện nay: . . . . . Số hộ chiếu . . . . . .
   Current nationality *Passport number*
5. Trình độ chuyên môn (tay nghề): . . . . . .
   Professional qualification (skill)
6. Làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: . . . .
7. *Working at enterprise, organization*
8. Nơi làm việc: . . . . . .
   Working place
9. Vị trí công việc: . . . .
   Job assignment
10. Thời hạn làm việc từ ngày . . . . tháng . . . năm . . . . đến ngày . . . tháng . . . . năm . . . .

Period of work from . . . . . to . . . . . .

Ngày . . . . . tháng . . . . năm

GIÁM ĐỐC

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI……

DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS

Ký tên, đóng dấu

(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 1
First Extension

Gia hạn từ ngày … tháng … năm …
đến ngày … tháng … năm …
Extended from . . . to . . .
. . . . . , ngày . . . .
tháng . . . năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 2
Second Extension

Gia hạn từ ngày . . . tháng . . . năm . . .
đến ngày … tháng … năm …
Extended from . . . to . . .
. . . . . , ngày . . . .
tháng . . . năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 3
Third Extension

Gia hạn từ ngày . . . tháng . . . năm . . .
đến ngày … tháng … năm …
Extended from . . . to . . .
. . . . . , ngày . . . .
tháng . . . năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 4
Fourth Extension

Gia hạn từ ngày . . . tháng . . . năm . . .
đến ngày … tháng … năm …
Extended from . . . to . . .
… , ngày … tháng … năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 5
Fifth Extension

Gia hạn từ ngày . . . tháng . . . năm . . .
đến ngày … tháng … năm ...
Extended from . . . to . . .
… , ngày … tháng … năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 6
Sixth Extension

Gia hạn từ ngày . . . tháng . . . năm . . .
đến ngày … tháng ... năm …
Extended from . . . to . . .
…, ngày… tháng … năm…
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI …
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

MẪU SỐ 7: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC *(ENTERPRISE, ORGANIZATION)* Số (No): /	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Socialist Republic of Vietnam* *Independence – Freedom - Happiness*
V/v: Đề nghị cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài. *Suggestion for issuance of work permit*	*....., ngày.....tháng.....năm.....* *..... date.....month.....year.....*

Kính gửi:.....
To:

1. Doanh nghiệp, tổ chức: .....
Enterprise, organization:

2. Địa chỉ: .....
Address:

3. Điện thoại: .....
Telephone number (Tel):

4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....
Permission for business (No):

5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
Place of issue *Date of issue*

6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....
Fields of business:

Đề nghị: .....cấp giấy phép lao động.....
Suggestion: *issuance of work permit*

cho: .....
for:

Ông (bà): ..... Quốc tịch: .....
Mr. (Ms.) *Nationality:*

Ngày tháng năm sinh: .....
Date of birth (DD-MM-YY)

Trình độ chuyên môn: .....
Professional qualification (skill):

Nơi làm việc:
Working place

Vị trí công việc: .....
Job assignment:

Thời gian làm việc từ ngày: ...../...../.....đến ngày: ...../...../.....
Period of work from .....To.....

Lý do ông (bà) .....làm việc tại Việt Nam: .....
The reasons for Mr. (Ms.) *working in Vietnam*

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu đơn vị	**Đại diện người sử dụng lao động** ***On behalf of employer*** (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu) *(Signature and stamp)*

Ghi chú: Đối với các tổ chức phi chính phủ mà chưa có con dấu thì phải có xác nhận của Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

MẪU SỐ 8: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC *(ENTERPRISE, ORGANIZATION)* SỐ (No): /	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Socialist Republic of Vietnam* *Independence – Freedom - Happiness*
V/v: Đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài. *Suggestion for extension of work permit.*	*....., ngày.....tháng.....năm.....* *.....date.....month.....year.....*

Kính gửi: : .....

To:

1. Tên doanh nghiệp, tổ chức: .....

Enterprise, organization:

2. Địa chỉ: .....

Address:

3. Điện thoại: .....

Telephone number (Tel):

4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....

Permission for business (No):

5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....

Place of issue Date of issue

6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....

Fields of business:

Đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho: .....

Suggestion for issuance of work permit for

Ông (bà): ..... Quốc tịch: .....

Mr. (Ms.) Nationality:

Vị trí công việc: .....

Job assignment:

Hình thức bị xử lý kỷ luật lao động trong thời gian làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức (nếu có): .....

The forms to be disciplined in the period of time at enterprises, organizations (if any)

Giấy phép lao động số..... Cấp ngày .....

Work permit No dated

Cơ quan cấp.....

Issued by

Thời hạn gia hạn từ ngày / / đến ngày / /

Extension period of work from ..... To.....

Doanh nghiệp, tổ chức: .....

Enterprise, organization

đã đào tạo người lao động Việt Nam để thay thế: .....

trained Vietnamese employee for substitution

- Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Full name *Sex*

- Ngày, tháng, năm sinh: .....

Date of birth (DD-MM-YY)

- Lĩnh vực đào tạo: .....

Training field

- Thời gian đào tạo: .....

Training period

- Kinh phí đào tạo: .....

Training expenditure

Lý do chưa đào tạo được người lao động Việt Nam để thay thế: .....

Reasons are still unable to train Vietnamese employees for substitution.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu đơn vị.

Đại diện người sử dụng lao động
On behalf of employer
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

MẪU SỐ 9: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence – Freedom - Happiness

....., ngày.....tháng.....năm.....
.....date.....month.....year.....

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
Application for re-issuance of work permit

Kính gửi: Sở lao động - thương binh và xã hội . . . . . .
To: The provincial Department of Labour - War Invalids and Social Affairs

1. Họ và tên: ..... 2. Nam; Nữ: ..... .
Full name *Male/Female*
3. Ngày, tháng, năm sinh: .....
Date of birth (DD-MM-YY)
4. Nơi sinh: .....
Place of birth
5. Quốc tịch: ..... .
Nationality
6. Hộ chiếu số: …… 7. Ngày cấp: ..... .
Passport number *Date of issue*
8. Cơ quan cấp: …….. Thời hạn hộ chiếu ..... .
issued by *Date of expiry*
9. Trình độ chuyên môn tay nghề: .....
Professional qualification
10. Tôi đã giao kết hợp đồng lao động với: .....
I signed a labour contract with:
với thời hạn từ …….. đến ngày .....
For the period from *to*
11. Tôi đã được cấp giấy phép lao động số: …….. ngày ..... .
I was issued a work permit numbered: *dated*
với thời hạn từ …….. đến ngày …… . Cơ quan cấp .....
For the period from *to* *Issued by:*
12. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép lao động (bao gồm cả lý do mất, hỏng, thay đổi số hộ chiếu, nơi làm việc)
Reason for re-application (including reason for losing, damaging, changing passport number and working place)
.....
Tôi xin cam đoan các nội dung nêu trên là đúng. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
I certify that these statements are true to the best of my knowledge and will be responsible for any incorrectness.

Xác nhận của người sử dụng lao động	**Người làm đơn**
To be confirmed by employer	**Applicant**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	(Ký tên)
(Signature and stamp)	*(Signature)*

MẪU SỐ 10: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
SỐ: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Thông báo về người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp (tổ chức).

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Sở lao động - thương binh và xã hội. . . . . .

Thực hiện quy định tại Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34 /2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, doanh nghiệp (tổ chức) . . . . . thông báo về người nước ngoài làm việc, cụ thể như sau:

Số TT	**Tên người nước ngoài**	**Giới tính**		**Năm sinh**	**Quốc tịch**	**Số hộ chiếu**	**Số giấy phép lao động đã được cấp**	**Ngày bắt đầu làm việc**	**Ngày kết thúc làm việc**	**Vị trí công việc**
		Nam	**Nữ**							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Ngày tháng năm
Đại diện người sử dụng lao động
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 11: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC:
SỐ: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... .tháng..... năm.....

BÁO CÁO DANH SÁCH TRÍCH NGANG VỀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI KHÔNG PHẢI CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội……..

1. Doanh nghiệp, tổ chức: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: .....
4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....
5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....

Báo cáo danh sách trích ngang về người nước ngoài không phải cấp giấy phép lao động, cụ thể như sau:

Số TT	Tên người nước ngoài	Giới tính		Năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Ngày hết hạn của hộ chiếu	Ngày bắt đầu làm việc hoặc thực tập	Ngày kết thúc làm việc hoặc thực tập	Vị trí công việc
		Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Ngày tháng năm
Đại diện người sử dụng lao động
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 12: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Số: /LĐTBXH-TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG THÁNG... NĂM...

Kính gửi: Công an tỉnh.....(Phòng Quản lý xuất nhập cảnh)

Số TT	Tên người nước ngoài	Giới tính		Năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Trình độ chuyên môn				Vị trí công việc	Ngày bắt đầu làm việc	Ngày kết thúc làm việc	Cấp giấy phép lao động		
		Nam	Nữ				Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>=5 năm)	Khác				Ngày cấp giấy phép lao động	Ngày gia hạn giấy phép lao động	Ngày cấp lại giấy phép lao động
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG	**x**	**x**													

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu Sở LĐTBXH.

Ngày tháng năm
Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI….. **TRUNG TÂM GIỚI THIỆU VIỆC LÀM…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày.....tháng.....năm.....

HỢP ĐỒNG TUYỂN LAO ĐỘNG

Số.....

- Căn cứ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ.

Căn cứ nhu cầu tuyển người nước ngoài của .....

Hôm nay, ngày.... tháng.....năm…….

Tại Trung tâm Giới thiệu việc làm (nêu rõ tên và địa chỉ).....

Chúng tôi gồm:

I. Bên A: Trung tâm Giới thiệu việc làm.....

Đại diện: .....

Chức vụ:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:…….....…….. Fax: .....

II. Bên B: Doanh nghiệp, tổ chức.....

Đại diện:.. .....

Chức vụ:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

Sau khi trao đổi, hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng tuyển lao động Việt Nam vào vị trí dự kiến tuyển người nước ngoài và tuyển người nước ngoài cho doanh nghiệp, tổ chức..... như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A sẽ tổ chức tuyển lao động Việt Nam vào vị trí dự kiến tuyển người nước ngoài và tuyển người nước ngoài theo yêu cầu của bên B như sau:

a) Trách nhiệm của bên A:

Tuyển lao động Việt Nam vào từng vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài về số lượng từng vị trí công việc, yêu cầu về trình độ chuyên môn, mức lương, thu nhập khác, điều kiện làm việc và một số nội dung khác (nếu có) của bên B từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm....., cụ thể như sau:

+ …….....….....

+ …….....….....

.....

Trường hợp không tuyển được lao động Việt Nam thì bên A tuyển người nước ngoài vào từng vị trí công việc nêu trên từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Trường hợp bên A không đáp ứng đủ nhu cầu tuyển lao động cho bên B nêu trên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp cho bên A yêu cầu về thời gian tuyển, số lượng người cần tuyển (lao động Việt Nam và người nước ngoài) vào từng vị trí công việc, yêu cầu về trình độ chuyên môn, mức lương, thu nhập khác, điều kiện làm việc và một số nội dung khác (nếu có).

- Thông báo cho bên A thời gian, kết quả phỏng vấn và tuyển dụng đối với người lao động được bên A giới thiệu.

Điều 2: Thời hạn thực hiện hợp đồng:

Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Điều 3: Kinh phí và hình thức thanh toán:

Kinh phí thực hiện hợp đồng:…… (bằng chữ:……đồng)

Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A theo hình thức…….. sau khi kết thúc và có biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh hai bên sẽ trao đổi và bàn bạc cùng giải quyết.

Hợp đồng được làm thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện bên A **Đại diện bên B**

MẪU SỐ 14: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
SỐ:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ NHU CẦU TUYỂN VÀ SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

1. Doanh nghiệp, tổ chức: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: .....
4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....
5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....

Đăng ký nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài cụ thể như sau:

Số TT	**Vị trí công việc**	**Số lượng (người)**	**Trình độ chuyên môn**				**Mức lương trung bình**	**Thời gian làm việc**		**Số lượng đang làm việc (người)**	**Đăng ký tuyển mới (người)**
			Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>= 5 năm)	Khác		**Bắt đầu**	**Kết thúc**		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1											
2											
.....											
Tổng		**x**	**x**	**x**	**x**	**x**				**x**	**x**

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Ngày..... tháng..... năm.....
Đại diện người sử dụng lao động
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 15*: Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung*

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
SỐ:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NHU CẦU TUYỂN VÀ SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

1. Doanh nghiệp, tổ chức: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: .....
4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....
5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....

Đăng ký bổ sung nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	**Vị trí công việc**	**Số lượng (người)**	**Trình độ chuyên môn**				**Mức lương trung bình**	**Thời gian làm việc**		**Số lượng đang làm việc (người)**	**Đăng ký tuyển mới (người)**
			Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>= 5 năm)	Khác		**Bắt đầu**	**Kết thúc**		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Vị trí tăng lao động**										
1	.....										
2	.....										
.....											
II	**Vị trí giảm lao động**										
1	.....										
2	.....										
.....											
	Tổng = (I) - (II)	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**				**x**	**x**

Ngày..... tháng..... năm.....

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Đại diện người sử dụng lao động
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 16*: Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung*

TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ
SỐ:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI NHÀ THẦU.....QUÝ.... NĂM....

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

Căn cứ hợp đồng đã ký giữa..... và nhà thầu..... để thực hiện gói thầu..... thuộc dự án..... thực hiện tại....., Chủ đầu tư..... báo cáo tình hình sử dụng người nước ngoài làm việc tại nhà thầu....., cụ thể như sau:

Số TT	Tên người nước ngoài	Giới tính		Năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu	Vị trí công việc	Trình độ chuyên môn			Thời gian làm việc		Không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Cấp giấy phép lao động			Chưa được cấp giấy phép lao động
		Nam	Nữ					Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>= 5 năm)	Bắt đầu	Kết thúc		Ngày cấp giấy phép lao động	Ngày gia hạn giấy phép lao động	Ngày cấp lại giấy phép lao động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG	**x**	**x**					**x**	**x**	**x**							**x**

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Ngày..... tháng..... năm.....
Đại diện chủ đầu tư
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 17: ***Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung***

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Số:...../LĐTBXH-BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO NHU CẦU TUYỂN VÀ SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NĂM.....

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)

Số TT	**Tên doanh nghiệp, tổ chức**	**Số lượng người nước ngoài**	**Trình độ chuyên môn**				**Vị trí công việc**	**Mức lương trung bình**
			Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>= 5 năm)	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Trong KCN, KCX, KKT							
1	Công ty							
2	Công ty							
...	.....							
II	Ngoài KCN, KCX, KKT							
1	Công ty							
2	Công ty							
...	.....							
	Tổng		**x**	**x**	**x**	**x**		

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu Sở LĐTBXH.

Ngày..... tháng.... năm.....
Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 18*: Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
SỐ:……......./LĐTBXH-BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM…… (HOẶC NĂM……)
Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số LĐ (bao gồm người nước ngoài và LĐ Việt Nam)	Tổng số người nước ngoài		Hình thức làm việc của người nước ngoài						Trình độ chuyên môn				Vị trí công việc			Mức lương trung bình	Cấp GPLĐ			Thời hạn giao kết hợp đồng lao động		Gia hạn GPLĐ
			Nam	Nữ	Số LĐ làm việc theo HĐLĐ	Số LĐ làm việc theo hợp đồng (không phải HĐLĐ)	Số LĐ di chuyển nội bộ doanh nghiệp	Số LĐ chào bán dịch vụ	Số LĐ làm việc cho tổ chức PCP nước ngoài tại Việt Nam	Khác	Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>=5 năm)	Khác	TGĐ, PTGĐ GĐ, PGĐ	Kỹ thuật quản lý	Khác		Không thuộc diện cấp GPLĐ	Đã cấp GPLĐ	Chưa được cấp GPLĐ	Dưới 1 năm	Từ 1 - 3 năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I	Trong KCN, KCX																							
1	Công ty																							
2	Công ty																							
…	……																							
II	Ngoài KCN, KCX,																							
1	Công ty																							
2	Công ty																							
…	…																							
	Tổng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

- Nêu rõ số lượng người nước ngoài theo quốc tịch được chia thành Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, Châu Đại Dương.
- Nêu rõ số người nước ngoài làm việc tại các gói thầu hoặc dự án do nhà thầu nước ngoài trúng thầu (tên gói thầu hoặc dự án, số lượng, quốc tịch, trình độ, vị trí công việc), số người đã được cấp giấy phép lao động, số người không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động và số người chưa thực hiện cấp giấy phép lao động (số người nước ngoài lao động phổ thông, số người đang làm các thủ tục cấp giấy phép lao động).

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu Sở LĐTBXH.

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 19*: Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung*

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC:

SỐ: …….. /……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM…… (HOẶC NĂM……)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

1. Doanh nghiệp, tổ chức: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: .....
4. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: .....
5. Cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
6. Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): .....
7. Tổng số lao động (bao gồm người nước ngoài và lao động Việt Nam): .....

Báo cáo tình hình sử dụng người nước ngoài 6 tháng đầu năm.....(hoặc năm.....), cụ thể như sau:

Số TT	Tên người nước ngoài	Giới tính		Năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Trình độ chuyên môn				Vị trí công việc			Mức lương trung bình	Thời hạn giao kết hợp đồng lao động		Cấp giấy phép lao động				Số lần đã gia hạn GPLĐ
		Nam	Nữ				Từ Đại học trở lên	Nghệ nhân những ngành nghề truyền thống	Kinh nghiệm làm việc (>=5 năm)	Khác	TGĐ, PTGĐ GĐ, PGĐ	Kỹ thuật quản lý	Khác		Dưới 1 năm	Từ 1 - 3 năm	Không thuộc diện cấp GPLĐ	'Đã cấp GPLĐ (ghi theo số GPLĐ)	Đã nộp hồ sơ tại cơ quan cấp GPLĐ	Chưa được cấp GPLĐ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu đơn vị

Ngày..... tháng.... năm.....
Đại diện người sử dụng lao động
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)